

NGHỊ QUYẾT

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035

I- TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quyết liệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ tích cực của nhân dân, các Chương trình mục tiêu quốc gia đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Kết cấu hạ tầng thiết yếu như điện, đường, trường, trạm được quan tâm đầu tư tương đối đồng bộ; tỷ lệ người dân được tiếp cận các dịch vụ cơ bản ngày càng tăng. Sản xuất nông nghiệp có chuyển biến tích cực, đã hình thành các vùng sản xuất tập trung, gắn liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3,9%/năm, đến hết năm 2025 còn 17,24%; thu nhập bình quân của người dân nông thôn đạt 28,9 triệu đồng/người/năm, tăng gần 11,7 triệu đồng/người/năm so với năm 2020; đời sống vật chất và tinh thần của người dân có nhiều cải thiện. Quan tâm sắp xếp, ổn định dân cư với 1.003 hộ đã được di chuyển ra khỏi vùng thiên tai, vùng có nguy cơ sạt lở nguy hiểm. Hệ thống chính trị cơ sở được củng cố, chất lượng, hiệu quả hoạt động này được nâng lên, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị tại cơ sở. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững.

Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa thực sự bền vững và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nguy cơ tái nghèo lớn, tập trung chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, biên giới; số xã, bản đặc biệt khó khăn còn nhiều (32/36 xã, 564/956 bản). Thu nhập và mức sống của người dân nông thôn, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp; một số điểm dân cư thiếu điện, nước sinh hoạt; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cao. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là ở vùng khó khăn còn thiếu và chưa đồng bộ. Vai trò chủ thể của một bộ phận người dân trong phát triển kinh tế chưa được phát huy.

Những hạn chế nêu trên chủ yếu do: Địa bàn rộng, địa hình chia cắt, thiên tai, thời tiết diễn biến phức tạp, dân cư phân bố không tập trung, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao. Xuất phát điểm nền kinh tế của tỉnh thấp, nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số cấp ủy, chính quyền chưa quyết liệt, năng lực tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia còn hạn chế.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quan điểm

Thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phải bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời gắn với thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030 và Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Quá trình thực hiện cần nâng cao vai trò chủ động, sáng tạo của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và vai trò chủ thể của người dân. Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Lấy nông thôn mới là mục tiêu thực hiện, lấy giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm, động lực để thực hiện xây dựng nông thôn mới bền vững, hiện đại.

Sử dụng hiệu quả nguồn lực thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đa dạng hóa và xã hội hóa các nguồn lực, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để triển khai thực hiện chương trình, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển xanh, nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới của tỉnh theo hướng hiện đại, giàu bản sắc, gắn với đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bản sắc văn hóa và giá trị truyền thống, làm nền

tăng cho phát triển toàn diện khu vực nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh. Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2030

(1) Thu nhập bình quân của người dân nông thôn đạt 47,5 triệu đồng; thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

(2) Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 3% - 4%/năm, đến năm 2030 tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn dưới 10%.

(3) Phần đầu toàn tỉnh cơ bản không còn xã, bản đặc biệt khó khăn.

(4) Phần đầu toàn tỉnh có ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2.2.2. Định hướng đến năm 2035

(1) Phần đầu thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,6 lần so với năm 2030, thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

(2) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 3% - 4%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2031-2035.

(3) Phần đầu giảm ít nhất 50% số xã, bản khó khăn trên địa bàn toàn tỉnh.

(4) Phần đầu toàn tỉnh có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc triển khai thực hiện Nghị quyết; xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng giao nhiệm vụ cụ thể, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm; tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả dựa trên các chỉ tiêu đầu ra như thu nhập, giảm nghèo, tiêu chí nông thôn mới. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện.

- Tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở theo hướng chuyên nghiệp, đa nhiệm, đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, môi trường. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ; nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện chương trình, dự án. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, giám sát và đánh giá; bảo đảm triển khai đồng bộ, minh bạch, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng. Phân đầu 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, 95% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã tham gia Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm; 100% trưởng bản, thành viên các ban ở thôn, bản được tập huấn về quy trình thực hiện, giám sát đầu tư và huy động cộng đồng.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho cấp xã trong tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tạo điều kiện để cấp xã và cộng đồng dân cư chủ động lựa chọn nội dung, mô hình phát triển phù hợp với thực tiễn. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu lực, hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đa nền tảng, tăng cường tương tác hai chiều; xây dựng hệ thống thông tin, truyền thông đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kết quả triển khai thực hiện Chương trình. Tăng cường tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, nhân rộng các mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”. Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín; kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả, điển hình tiên tiến, góp phần củng cố niềm tin, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, huy động sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng trong thực hiện Chương trình.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội, đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi; phát triển các mô hình kinh tế tập thể, sản xuất nông sản an toàn; triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế; nhân rộng mô hình “gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; phát huy vai trò xung kích của Đoàn thanh niên trong phát triển kinh tế -

xã hội; triển khai các chương trình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, trí thức trẻ tham gia xây dựng nông thôn mới.

3.2. Hoàn thiện chính sách và huy động nguồn lực

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các chính sách thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Đa dạng nguồn vốn huy động đầu tư kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là hạ tầng giao thông, điện, nước, viễn thông và các hạ tầng thiết yếu khác. Bố trí nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định và lồng ghép nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án, dự án khác để thực hiện chương trình, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững.

3.3. Phát triển kết cấu hạ tầng và ổn định dân cư

- Xây dựng quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới tại các xã thuộc các nhóm theo quy định tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Phấn đấu 100% số xã đạt tiêu chí quy hoạch trong xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ: Công trình giao thông; thủy lợi; hệ thống điện nông thôn; trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ; trạm y tế; hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung; hạ tầng số, viễn thông; hệ thống truyền thanh cơ sở; công trình cấp nước sạch tập trung; thiết chế văn hóa - thể thao vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hạ tầng thu gom, xử lý chất thải rắn; các công trình đặc thù phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh - quốc phòng ở địa bàn các xã biên giới, địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh; quy hoạch, bố trí, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng thiên tai. Phấn đấu đến năm 2030 có trên 95% đường xã được cứng hóa; 80% dân số nông thôn sử dụng nước sạch; 99% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 90% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý. Tăng cường công tác quản lý vận hành và bảo trì công trình sau đầu tư, từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp.

- Hỗ trợ về đất đai, nhà ở cho người dân nông thôn, hộ nghèo, hộ cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất theo quy định gắn với phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.4. Phát triển kinh tế nông thôn, giảm nghèo bền vững, trong đó tập trung cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển sản xuất hàng hóa gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm

- Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiêu thụ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã gắn với phát triển sinh kế bền vững. Ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác tại các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất - tiêu thụ với doanh nghiệp, hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý. Phấn đấu đến năm 2030 toàn tỉnh có khoảng 460 hợp tác xã, trong đó trên 250 hợp tác xã nông - lâm - ngư nghiệp.

- Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn, ứng dụng cơ giới hóa, công nghệ cao trong sản xuất, như: vùng chè trên 10.000 ha, lúa hàng hóa trên 3.500 ha, cây ăn quả trên 7.400 ha, quế trên 12.500 ha, mắc ca trên 7.400 ha; cá lồng trên lồng hồ 177.000 m³. Phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô trang trại; phát triển cả về quy mô, chất lượng, nâng cao thương hiệu vùng Sâm Lai Châu, đảm bảo nguồn gốc xuất xứ, đạt tiêu chuẩn GACP-WHO. Tổ chức sản xuất theo quy trình an toàn, hữu cơ, gắn với cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm. Tập trung phát triển các vùng dược liệu quý phù hợp điều kiện sinh thái (sâm Lai Châu, đương quy, tam thất, sa nhân...), gắn với quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng nhằm tạo sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Phát triển các sản phẩm OCOP theo hướng nâng cao chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, bản đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật tham gia sản xuất sản phẩm OCOP.

- Phát triển các ngành nghề nông thôn gắn với điều kiện thực tiễn của tỉnh; chú trọng bảo tồn và phát triển các làng nghề, nghề truyền thống đã được công nhận, như: làng nghề sản xuất miến dong Bình Lục, làng nghề sản xuất bánh dân tộc, nghề nấu rượu ngô truyền thống và các làng nghề, nghề mới có tiềm năng phát triển theo hướng bền vững, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu làng nghề, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; khai thác cảnh quan sinh thái và vùng sản xuất để phát triển du lịch; hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu, dịch vụ du lịch và mô hình homestay truyền thống. Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 20 điểm du lịch cộng đồng được công nhận.

- Tăng cường kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và từng bước mở rộng xuất khẩu; đa dạng hóa kênh phân phối theo hướng bền vững, ưu tiên phát triển thương mại điện tử và các nền tảng số phù hợp với điều kiện địa phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, phù hợp quy mô sản xuất của tỉnh; gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng chủ lực (chè, mắc ca, dược liệu, cây ăn quả ôn đới...). Nâng cao năng lực bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, qua đó nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản Lai Châu trên thị trường.

- Củng cố, mở rộng mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tập trung, ưu tiên thực hiện trên địa bàn các xã, bản đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, bản đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường. Phấn đấu đến năm 2030 có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm - nghiệp hàng hóa.

3.5. Phát triển văn hóa - giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Tăng cường tổ chức các hoạt

động văn hóa, thể thao tại cơ sở, chú trọng các hoạt động văn hóa, thể thao truyền thống; tiếp tục duy trì tổ chức các lễ hội truyền thống; thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian xã, phường, các đội văn nghệ quần chúng ở thôn, bản; khuyến khích các đội văn nghệ quần chúng tổ chức, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ ở cơ sở góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển giáo dục gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương; bảo đảm người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và có cơ hội học tập suốt đời phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tập trung triển khai hiệu quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 5 đến 6 tuổi; củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, đẩy mạnh công tác xóa mù chữ và giáo dục hòa nhập. Phát triển các mô hình lớp học linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng địa phương; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng tại cơ sở. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, từng bước triển khai các nền tảng học trực tuyến phù hợp với hạ tầng của tỉnh nhằm mở rộng cơ hội học tập cho người dân, hướng tới xây dựng xã hội học tập. Ưu tiên hỗ trợ các đối tượng yếu thế như hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, góp phần thu hẹp khoảng cách về giáo dục giữa các vùng, các nhóm dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung, ưu tiên cho lao động trên địa bàn các xã, bản đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới. Phấn đấu bình quân đào tạo khoảng 4.700 lao động/năm, đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,5%.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc thiểu số tại chỗ, gắn với đặc thù miền núi, biên giới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, nhằm thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Điều dưỡng người có công và Dịch vụ việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm lao động khu vực nông nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ người lao động cư trú trên địa

bản các xã, bản đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Phấn đấu đến năm 2030 có 1.400 người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3.6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyên giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh của địa phương.

- Triển khai quyết liệt phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực, nhận thức về kiến thức số, chuyển đổi số đối với đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số chủ động tiếp cận với các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ an sinh xã hội.

- Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, truy xuất nguồn gốc và giám sát an toàn thực phẩm; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện chương trình.

3.7. Phát triển nông thôn bền vững gắn với bảo vệ môi trường, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao độ che phủ rừng. Tăng cường thu gom, xử lý chất thải nông thôn.

- Bảo đảm an toàn thực phẩm khu vực nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm; kiểm soát chặt chẽ an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông sản đặc trưng.

- Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở; mở rộng tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý cho các nhóm yếu thế, nhất là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới. Bảo đảm bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo,

quản lý và phát triển kinh tế nông thôn, góp phần xây dựng cộng đồng nông thôn văn minh, tiến bộ và phát triển bền vững.

- Quán triệt và thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyên đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn. Phấn đấu duy trì 100% xã đạt tiêu chí về an ninh, trật tự.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt, học tập, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng ủy HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách thực hiện Nghị quyết phù hợp khả năng cân đối ngân sách và thực tiễn của tỉnh; tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện.

3. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng chương trình hoặc kế hoạch thực hiện Nghị quyết; thường xuyên rà soát, tham mưu ban hành, sửa đổi, bổ sung các chính sách thực hiện Nghị quyết bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và thực tiễn của tỉnh. Định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn nghiên cứu, quán triệt, học tập, tuyên truyền và triển khai Nghị quyết sâu rộng trong các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, Nhân dân; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết.

5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

6. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Các ban đảng Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ,
- Văn phòng: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy HĐND tỉnh,
- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Lê Minh Ngân